

Số: 07/2023/QĐST-DS

Bắc Tân Uyên, ngày 22 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 14/3/2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về dân sự thụ lý số: 140/2022/TLST-DS ngày 12/10/2022 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thanh B, sinh năm 1983; địa chỉ: Số C, Đường B, khu phố G, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số F, đường Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương (Theo Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2022).

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị N; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Thanh L, sinh năm 1976; địa chỉ: Đường B, ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (Theo Văn bản ủy quyền ngày 19/10/2022).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Bò Văn K, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Phạm Thị R, sinh năm 1951; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận thỏa thuận về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông **Nguyễn Văn H** với bị đơn bà **Đỗ Thị N** như sau:

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 456,9m² gồm 432,9m² thuộc thửa đất 211 (trong đó có 147m² thuộc đất ONT, 46,6m² đất PVBVKCHTGTĐB) và 24m² (trong đó có 7m² đất ONT) thuộc thửa đất 223, tờ bản đồ số 7 tại **xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương** thuộc quyền sử dụng đất của ông **Nguyễn Văn H**.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích gồm 444,9m² gồm 419m² thuộc thửa đất 223 (trong đó có 143m² thuộc đất ONT, 48,7m² đất PVBVKC HTGTĐB) và 25,9m² thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ số 7 tại **xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương** thuộc quyền sử dụng đất của bà **Đỗ Thị N**.

Kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 493762, số vào sổ H 01472 ngày 26/12/2007 của **Ủy ban nhân dân huyện T** cấp cho ông **Nguyễn Văn H** để cấp lại theo diện tích thỏa thuận nêu trên. Ông **H** đồng ý điều chỉnh giảm quyền sử dụng đất diện tích 6,4m² thuộc thửa đất 211, tờ bản đồ số 7 tại **xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương** để điều chỉnh tăng diện tích đất này cho thửa đất 212. Điều chỉnh tăng quyền sử dụng đất diện tích 24m² thuộc thửa đất 223 cho thửa đất 211 cấp cho ông **Nguyễn Văn H**.

Kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 493929, số vào sổ H 01481 ngày 28/12/2007 của **Ủy ban nhân dân huyện T** cấp cho bà **Đỗ Thị N** và ông **Bồ Văn K** để cấp lại theo diện tích thỏa thuận nêu trên. Đại diện bà **Đỗ Thị N** đồng ý điều chỉnh giảm quyền sử dụng đất diện tích 24m² thuộc thửa đất 223, tờ bản đồ số 7 tại **xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương**. Đồng ý điều chỉnh tăng quyền sử dụng đất diện tích 24m² cho thửa đất 211.

Kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q400750, số vào sổ 00944QSĐĐ/TU ngày 12/5/2000 của **Ủy ban nhân dân huyện T** cấp cho bà **Phạm Thị R1** để cấp lại theo hướng không bao gồm phần đất diện tích 25,9m² thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 7 tại **xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương**. Bà **R1** đồng ý điều chỉnh giảm quyền sử dụng đất diện tích 25,9m² thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ số 7 tại **xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương**. Điều chỉnh tăng diện tích đất 25,9m² thuộc thửa đất 137 cho thửa đất số 223 cấp cho bà **Đỗ Thị N**.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Chi phí đo đạc, thẩm định tài sản: 9.779.000 (Chín triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn) đồng. Nguyên đơn ông **Nguyễn Văn H** phải nộp 4.779.000 (Bốn triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn) đồng. Bị đơn bà **Đỗ Thị N** phải nộp 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Các bên đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Nguyễn Văn H** phải nộp 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010085 ngày 26/9/2022 và số AA/2021/0010255 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên. Hoàn trả cho ông **H** 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Bích Huế

SƠ ĐỒ BẢN VẼ

**Đính kèm Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự
số 07/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023
của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương**

